

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1173/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v ly hôn giữa chị Hồng và anh Thịnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú tại: Tổ A, khu vực B, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Anh Hồ Đức T, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú tại: Tổ A, khu vực B, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-9-2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Xuân H trình bày: Chị và anh Hồ Đức T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 20/02/2013, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Kể từ ngày chung sống thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc bình thường, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đi sớm về

khuya, không quan tâm, không có trách nhiệm đến gia đình và vợ con để mặc chị một mình gánh vác gia đình và kinh tế gia đình, ngoài ra anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ năm 2018 vợ chồng chị đã sống ly thân cho đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2019, chị đã từng nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng được Tòa động viên, giải thích nên chị đã đồng ý rút đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn. Tuy nhiên từ đó đến nay anh T vẫn không thay đổi, sống không có trách nhiệm với vợ con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Hồ Phan Đức T, sinh ngày 20-8-2009 và Hồ Phan Nhã T, sinh ngày 04-6-2011, hiện sức khỏe các con vẫn bình thường và đang sống cùng với vợ chồng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 15-9-2020 và quá trình tố tụng, bị đơn anh Hồ Đức T khai: Thống nhất về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn như chị Phan Thị Xuân H đã khai. Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm. Kể từ ngày chung sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do tính chất công việc của anh thường đi làm sớm về khuya, không có thời gian quan tâm nhiều đến gia đình vợ con, chị H nghi ngờ anh có người phụ nữ khác và ghen tuông vô cớ, khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh cũng đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng chị H không có thiện chí hàn gắn mà lạnh nhạt với anh, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt. Cuối năm 2019 chị H đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn yêu cầu ly hôn với anh, nhưng sau đó được Tòa động viên hòa giải nên chị H đã rút đơn khởi kiện, từ đó đến nay anh cũng đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn các con sống thiếu tình thương của cha mẹ, không muốn gia đình tan vỡ làm ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị H có 02 con chung tên Hồ Phan Đức T, sinh ngày 20-8-2009 và Hồ Phan Nhã T, sinh ngày 04-6-2011. Hiện sức khỏe các con vẫn bình thường và đang sống cùng với vợ chồng anh, nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Xuân H xin ly hôn anh Hồ Đức T, được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, giao các cháu Hồ Phan Đức T và Hồ Phan Nhã T cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các cháu T và T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Đức T, là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hồ Đức T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị H, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 20/02/2013 do UBND xã PT, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cấp đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Xuân H và anh Hồ Đức T là hôn nhân hợp pháp. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T khai không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào lời khai của chị H và anh T và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đã sống ly thân từ năm 2018, không còn tình cảm và không có khả năng hàn gắn. Trong thời gian ly thân chị H và anh T đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm với anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Hồ Phan Đức T, sinh ngày 20-8-2009 và Hồ Phan Nhã T, sinh ngày 04-6-2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T khai: Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào lời khai của anh T khai rằng do tính chất công việc của anh thường xuyên đi làm sớm về khuya nên Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đảm bảo điều kiện về thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ các con, mặt khác các cháu T và T đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi chị H và anh T ly hôn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T và cháu T, do đó yêu cầu nuôi hai con chung của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc chị Phan Thị Xuân H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Hồ Đức T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Xuân H được ly hôn với anh Hồ Đức T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung Hồ Phan Đức T, sinh ngày 20-8-2009 và Hồ Phan Nhã T, sinh ngày 04-6-2011 cho chị Phan Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Xuân H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008445 ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Hồ Đức T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Hồ Đức T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã PT, H. Tuy Phước;
(ĐKKH số 26/20.02.2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Kim Anh